TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 204/2018/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 23 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2016/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2016 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1989.
Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Tống Thanh T, sinh năm 1983.
Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Tống Văn S, sinh năm 1954.
2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953
3. Anh Tống Thanh T1, sinh năm 1976.
4. Chị Tống Thị Thanh T2, sinh năm 1985.
Cùng địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Ngọc Y với ông Tống Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc Y với ông Tống Thanh T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có hai người con là Tống Đăng K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2009 và Tống Gia B, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2011 hiện hai con đang sống với bà Y.

Sau khi ly hôn bà Y với ông T tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con cụ thể như sau: Bà Trần Thị Ngọc Y được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng em Tống Đăng K, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2009. Theo nguyện vọng của em Tống Đăng K là sống với bà Y. Riêng em Tống Gia B, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2011 ông T thống nhất để cho bà Y tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y với ông T chưa đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung gồm:

+ Diện tích đất 122,3m^2 tại thửa số 126, tờ bản đồ số 21 đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Tống Thanh T đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà mái lá, nền gạch tàu.

+ Diện tích đất 61,5m^2 thửa đất 123, tờ bản đồ số 21 đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Tống Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất và căn nhà cấp bốn, mái lợp Tol, nền gạch men, vách tường.

+ Một chiếc xe gắn máy Vespa Liberty biển kiểm soát 84L1-329.64 do bà Y đứng tên quyền sở hữu.

Tất cả tài sản trên bà Y với ông T tự nguyện thỏa thuận xong. Bà Y, ông T có đơn xin rút lại phần yêu cầu về tài sản chung của mình. Ông S, bà B và chị T2 có đơn rút lại phần yêu cầu độc lập về phần chia tài sản.

- Về nợ chung và về người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu pháp luật giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc Y tự nguyện nộp 100.000đồng nhưng được trừ vào 200.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0006550 ngày 28/10/2016 do bà Trần Thị Ngọc Y nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Hoàn trả cho bà Trần Thị Ngọc Y 100.000đồng tiền tạm ứng án phí.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị Ngọc Y được nhận lại số tiền 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0006551 ngày 28/10/2016; số tiền 1.250.000đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0010360 ngày 24/7/2017 và số tiền 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0012568 ngày 29/9/2017.

+ Ông Tống Thanh T được nhận lại số tiền 750.000đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0010356 ngày 18/7/2017.

+ Ông Tống Văn S, bà Nguyễn Thị B và chị Tống Thị Thanh T2 được nhận lại số tiền 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0009021 ngày 10/01/2017 và được nhận số tiền 2.500.000đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0010355 ngày 18/7/2017.

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Tổng số tiền là 2.800.000đồng (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng)*.

+ Bà Trần Thị Ngọc Y tự nguyện nộp 1.400.000đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) số tiền này bà Y đã nộp đủ.

+ Ông Tống Thanh T tự nguyện nộp 1.400.000đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ngọc Y 1.400.000đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng)* khi thu được từ ông T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN
Đã ký

Nguyễn Thị Liên